

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36XD2 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122064200102 - Auto CAD cấ b n H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3645010243	36XD2	Tr n Ho ấ g n	27/08/1992						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
2	3645010261	36XD2	Tr n ấ nh Ph c B o	09/10/1992						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
3	3645010180	36XD2	Nguy n Ng c Bính	18/06/1993						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
4	3645010245	36XD2	Lê Thanh C ng	18/06/1993						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
5	3645010272	36XD2	Nguy n V ấ Nh Châu	24/08/1993						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
6	3645010241	36XD2	ấ Vĩ t Chi n	19/07/1993						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
7	3645010289	36XD2	Nguy n Th ấ nh Chung	06/07/1987						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
8	3645010203	36XD2	Nguy n Xu ^a n Di n	14/02/1993						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
9	3645010234	36XD2	Bùi Chánh Duân	04/12/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
10	3645010221	36XD2	Vô Kim Duy	07/01/1993						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
11	3645010274	36XD2	Nguy n Ng c D ấ O	30/11/1993						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
12	3645010218	36XD2	Nguy n Thanh D ấ O g	31/08/1986						3.0	4.0				3.5	1.8	3.0	1.5	3.3	
13	3645010252	36XD2	L ² T n ấ t	02/06/1993						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
14	3645010227	36XD2	Ph m V ấ Nh B ^o Hai	15/11/1994						6.0	7.0				6.5	3.3	3.0	1.5	4.8	
15	3645010215	36XD2	Phan Tr n Ch ^í H i	14/12/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
16	3645010476	36XD2	Tr n V ấ O H o	15/06/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
17	3645010182	36XD2	L ² V ấ Nh H u	06/10/1991						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
18	3645010213	36XD2	Tr n Quang Hi n	12/07/1994						4.0	6.0				5.0	2.5	2.0	1.0	3.5	
19	3645010285	36XD2	Ng» Nguy n Th Hùng	04/03/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
20	3645010467	36XD2	Ph m Thanh H ng	25/04/1994						4.0	3.0				3.5	1.8	5.0	2.5	4.3	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36XD2 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122064200102 - Auto CAD cấ b n H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3645010260	36XD2	T i Ho ấ ng Lam	24/09/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
22	3645010230	36XD2	Tr n Minh Luân	04/09/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
23	3645010283	36XD2	Nguy n V ấ Nh Luông	07/10/1993						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
24	3645010256	36XD2	Nguy n Ti n Ngh ấ	28/09/1991						5.0	7.0				6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	
25	3645010301	36XD2	Võ Anh Nh ng	16/02/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
26	3645010228	36XD2	ấ T ấ Nhân	25/09/1994						5.0	4.0				4.5	2.3	5.0	2.5	4.8	
27	3645010244	36XD2	Nguy n L ² Nhân	03/07/1993						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
28	3645010284	36XD2	L ² Ti n Phát	27/01/1992						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
29	3645010169	36XD2	Phan V ấ Nh S n	01/01/1992						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
30	3645010305	36XD2	Ng» ấ nh Tài	23/04/1994						6.0	0.0				3.0	1.5	2.0	1.0	2.5	
31	3645010246	36XD2	Nguy n Vi t T o	06/08/1993						5.0	7.0				6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
32	3645010174	36XD2	B ấ i ấ c Tâm	30/08/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
33	3645010210	36XD2	L ² Tr ng Tâm	09/04/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
34	3645010199	36XD2	Võ Minh Tâm	17/01/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
35	3645010179	36XD2	Nguy n Ho ấ ng Ti n	02/02/1994						6.0	7.0				6.5	3.3	7.0	3.5	6.8	
36	3645010277	36XD2	Nguy n Ng c Ti n	05/03/1994						7.0	8.0				7.5	3.8	7.0	3.5	7.3	
37	3645010201	36XD2	Nguy n Thanh Ti n	24/04/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
38	3645010248	36XD2	Nguy n V ấ Nh Toàn	20/01/1992						6.0	5.0				5.5	2.8	6.0	3.0	5.8	
39	3645010177	36XD2	ấ inh V ấ Nh Tu n	13/01/1993						8.0	9.0				8.5	4.3	6.0	3.0	7.3	
40	3645010288	36XD2	Phan ấ t Tu n	03/04/1991						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36XD2 Năm h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122064200102 - Auto CAD cấ b n H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
41	3645010212	36XD2	Nguy n Minh Thành	28/05/1994						7.0	8.0				7.5	3.8	6.0	3.0	6.8	
42	3645010253	36XD2	Ph m ấ »ng Th ng	10/02/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
43	3645010231	36XD2	V ấ Ng Tr ng Th nh	21/07/1994						6.0	8.0				7.0	3.5	6.0	3.0	6.5	
44	3645010290	36XD2	Bùi Tá Th i	26/12/1994						6.0	7.0				6.5	3.3	2.0	1.0	4.3	
45	3645010268	36XD2	Nguy n Th Di m Trinh	28/06/1987						8.0	8.0				8.0	4.0	6.0	3.0	7.0	
46	3645010254	36XD2	Nguy n Minh Tr ng	28/06/1993						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
47	3645010224	36XD2	V ¹ / ₂ V ấ Tr ng	28/04/1993						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
48	3645010175	36XD2	Lê Quang Tr ng	10/04/1993						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
49	3645010269	36XD2	Mai Ng c Tr c	07/09/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
50	3645010168	36XD2	Nguy n Tr n Hoa Vinh	11/01/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
51	3645010240	36XD2	Huỳnh Anh V Ồ	23/03/1994						6.0	7.0				6.5	3.3	6.0	3.0	6.3	
52	3645010239	36XD2	Nguy n Ph c Yên	11/10/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT

T ng s : 52 h c sinh sinh vĩ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi" o Vĩ² n B M»n

Gi" o V Khoa